BTVN: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN
CHUYÊN ĐỀ: ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ
BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

MỤC TIÊU

- ✓ *Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp và trình bày được tình hình phát triển, phân bố lâm nghiệp và bảo vệ tài nguyên rừng*
- ✓ *Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển thủy sản và trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản.*

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: (ID: 728909) Điều kiện chủ yếu phát triển khai thác hải sản nước ta là

A. vùng biển rộng lớn, nguồn lợi sinh vật.
B. sông ngòi dày đặc, rừng ngập mặn rộng.
C. tàu thuyền hiện đại, đầm phá ven biển.
D. bãi biển rộng, nhiều rặn san hô ven bờ.

Câu 2: (ID: 728910) Điều kiện chủ yếu để nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng nước ta là

A. nhiều sông ngòi, đầm phá ven bờ.
B. thị trường lớn, gia tăng chế biến.
C. vịnh nước sâu, nhiều ngư trường.
D. bãi tôm, bãi cá, nhiều đảo xa bờ.

Câu 3: (ID: 728912) Ý nghĩa của việc phát triển rừng phòng hộ ở nước ta là

A. nâng độ che phủ, hạn chế sụt lún đất.
B. giảm nhẹ thiên tai, cân bằng sinh thái.
C. điều hòa khí hậu, ngăn ngừa hạn hán.
D. mở rộng xuất khẩu, giảm trượt lở đất.

Câu 4: (ID: 728915) Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

A. phát triển rộng rãi ở nhiều vùng.
B. chỉ tạo sản phẩm cho xuất khẩu.
C. phần lớn đầu tư nuôi cá nước lợ.
D. tập trung hầu hết ở các đầm phá.

Câu 5: (ID: 728908) Khai thác thủy sản biển nước ta đang giảm dần hoạt động khai thác ven bờ, kém hiệu quả nằm mục đích chủ yếu là

A. nâng cao hiệu quả sản xuất các thủy sản.
B. bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản biển.
C. bảo vệ môi trường nước, tăng xuất khẩu.
D. thúc đẩy kinh tế hàng hóa, giảm ô nhiễm.

Câu 6: (ID: 728911) Đối tượng nuôi trồng của ngành thủy sản nước ta đa dạng chủ yếu do tác động của

A. thị trường xuất khẩu, vùng biển rộng.
B. công nghiệp chế biến, công nghệ mới.
C. vốn đầu tư nước ngoài, dịch vụ thú y.
D. nhu cầu thị trường, điều kiện tự nhiên.

Câu 7: (ID: 728916) Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay

A. phân bố hoàn toàn ở vùng ven bờ.
B. chủ yếu nhằm phục vụ xuất khẩu.
C. diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển.
D. chỉ chú trọng vào các loài cá quý.

Câu 8: (ID: 728917) Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay

A. đang đẩy mạnh xuất khẩu gỗ tròn.
B. hoạt động lâm sinh đang được chú trọng.
C. các sản phẩm gỗ chưa phong phú.
D. chỉ có ý nghĩa đối với phát triển kinh tế.

Câu 9: (ID: 728918) Cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản nước ta thay đổi theo hướng
A. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng luôn biến động.
B. giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng.
C. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng luôn ổn định.
D. tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng.

Câu 10: (ID: 728921) Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ vì
A. độ che phủ rừng tương đối lớn, tăng nhanh.
B. rừng có giá trị lớn về kinh tế và môi trường.
C. nhu cầu về tài nguyên rừng lớn và phổ biến.
D. diện tích đồi núi nhiều, có rừng ngập mặn ven biển.

Câu 11: (ID: 728913) Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp công suất tàu thuyền đối với ngành thủy sản ở nước ta là
A. góp phần phát triển kinh tế, đầu tư chế biến.
B. tăng sản lượng thủy sản, bảo tồn tài nguyên.
C. tăng hiệu quả khai thác, đáp ứng thị trường.
D. mở rộng khai thác xa bờ, thu hút nguồn vốn.

Câu 12: (ID: 728914) Ý nghĩa của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là
A. mở rộng sản xuất, tăng cường chế biến.
B. nâng cao mức sống, tăng trưởng kinh tế.
C. tăng thêm thu nhập, mở rộng trang trại.
D. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo nông sản xuất khẩu.

Câu 13: (ID: 728919) Nghề cá ở nước ta hiện nay
A. có các cảng cá hiện đại và hoàn thiện.
B. khuyến khích đánh bắt ở vùng ven bờ.
C. có năng suất lao động đánh bắt rất cao.
D. gắn với giữ vững chủ quyền biển đảo.

Câu 14: (ID: 728920) Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm chủ yếu là do
A. phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.
B. phá rừng để mở rông diện tích đất trồng trọt.
C. phá rừng để khai thác gỗ, củi và lâm sản khác.
D. ô nhiễm môi trường đất và nước rừng ngập mặn.

Câu 15: (ID: 728922) Hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta hiện nay là
A. Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỉ trọng lớn.
B. Khai thác thủy sản nội địa chiếm tỉ trọng lớn.
C. Khai thác gần bờ đang được đẩy mạnh.
D. sản lượng khai thác luôn cao hơn nuôi trồng.

Câu 16: (ID: 728923) Ở Nam Trung Bộ, vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản là
A. khai thác thật hợp lí đi đôi với trồng mới rừng.
B. tăng cường giao đất, giao rừng cho người dân.
C. đẩy mạnh chế biến, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.
D. tích cực ngăn chặn nạn chặt phá rừng tự nhiên.

Câu 17: (ID: 728924) Giá trị sản xuất ngành nuôi trồng thủy sản nước ta ngày càng nâng cao chủ yếu do
A. tăng cường các ngành chế biến.
B. có diện tích mặt nước rộng lớn.
C. nguồn lao động trong nước đông.
D. nâng cao chất lượng của thức ăn.

Câu 18: (ID: 728925) Sản lượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay có tốc độ tăng nhanh hơn khai thác chủ yếu do

A. khắc phục dịch bệnh, được Nhà nước ưu tiên đầu tư.

B. chủ động sản xuất, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường.

C. diện tích mặt nước tăng, được Nhà nước ưu tiên đầu tư.

D. tăng cường cải tiến kĩ thuật, khắc phục dịch bệnh.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 19: (ID: 728926) Cho đoạn thông tin sau, hãy chọn đúng hoặc sai:

Năm 2022, sản lượng thủy sản nước ta đạt 9 108 nghìn tấn, tăng 3,2% so năm 2021. Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5 233,8 nghìn tấn; trong đó sản lượng cá nuôi trồng đạt 3 503,4 nghìn tấn; sản lượng tôm nuôi trồng đạt 1 145,4 nghìn tấn. Khai thác thủy sản đạt 3 874,4 nghìn tấn, giảm 65,9 nghìn tấn so với năm 2021. Trong sản lượng khai thác, thủy sản biển đạt 3 670,6 nghìn tấn.

(Nguồn: Sách Niên giám thống kê năm 2022)

a. Năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác nhỏ hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.

b. Trong sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2022, sản lượng cá nuôi chiếm dưới 60%.

c. Cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta từ năm 2021 đến năm 2022 có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỉ trọng thủy sản nuôi trồng, tăng tỉ trọng thủy sản khai thác.

d. Sản lượng thủy sản nước ta hiện nay tăng chủ yếu do đẩy mạnh đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ.

Câu 20: (ID: 728927) Cho thông tin sau, hãy chọn đúng hoặc sai:

Tổng diện tích rừng nước ta năm 2021 là hơn 14 745,2 nghìn ha, trong đó rừng tự nhiên chiếm 69,0%, còn lại là rừng trồng; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42,0%. Các vùng có diện tích rừng lớn ở nước ta như Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung du và miền núi phía Bắc.

a. Theo mục đích sử dụng, rừng của nước ta được chia thành 3 loại.

b. Hiện nay, diện tích rừng của nước ta lớn, độ che phủ rừng rất cao do địa hình nước ta 3/4 là đồi núi.

c. Diện tích rừng tự nhiên của nước ta lớn do chủ trương của Nhà nước trong việc phục hồi và phát triển vốn rừng.

d. Biện pháp để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta là trồng rừng trên đất trống, đồi trọc, giao quyền sử dụng đất rừng cho người dân.

Câu 21: (ID: 728928) Cho bảng số liệu, hãy chọn đúng hoặc sai:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

(Đơn vị: Triệu tấn)

Năm	Tổng số	Trong đó	
		Khai thác	Nuôi trồng
2010	4,84	2,47	2,37
2015	6,72	3,17	3,55
2021	8,82	3,94	4,88

(Nguồn: Niên giám thống kê các năm 2011, 2016, 2022)

a. Sản lượng thủy sản khai thác, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng.

b. Tỉ trọng thủy sản khai thác giảm, tỉ trọng thủy sản nuôi trồng tăng.

c. Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng thủy sản năm 2021 so với năm 2010 là 169,6%. (Lấy năm 2010 = 100%).

d. Tỉ trọng sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng là do được phát triển theo hình thức trang trại công nghệ cao, nuôi hữu cơ và người dân có nhiều kinh nghiệm.

Câu 22: (ID: 728929) Cho bảng số liệu, hãy chọn đúng hoặc sai:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN ƯỚP ĐÔNG VÀ NƯỚC MẮM CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Thủy sản ướp đông *(nghìn tấn)*	1666	1946,2	2158,4	2194,1	2134,8
Nước mắm *(triệu lít)*	339,5	373,7	378,8	375,4	417,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)

a. Sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm đều tăng liên tục trong giai đoạn 2015 – 2021.

b. Giai đoạn 2015 – 2021, tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản ướp đông cao hơn tốc độ tăng của nước mắm

c. Sản lượng nước mắm tăng nhiều và nhanh hơn thủy sản ướp đông, giai đoạn 2015 - 2021.

d. Để thể hiện sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23: (ID: 728930) Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG GỖ KHAI THÁC MỘT SỐ VÙNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2018-2021

(Đơn vị: Nghìn m^3)

Năm	2018	2019	2020	2021
Trung du và miền núi phía Bắc	4 087,8	4 315,1	4 419,3	4 847,9
Đồng bằng sông Cửu Long	800,5	801,8	805,9	797,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, tính tốc độ tăng trưởng khai thác gỗ của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 so với năm 2018. (lấy kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 24: (ID: 728931) Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2015	2017	2019	2020	2021
Khai thác	3176,5	3463,9	3829,3	3896,5	3937,1
Nuôi trồng	3550,7	3938,7	4592	4739,2	4855,4

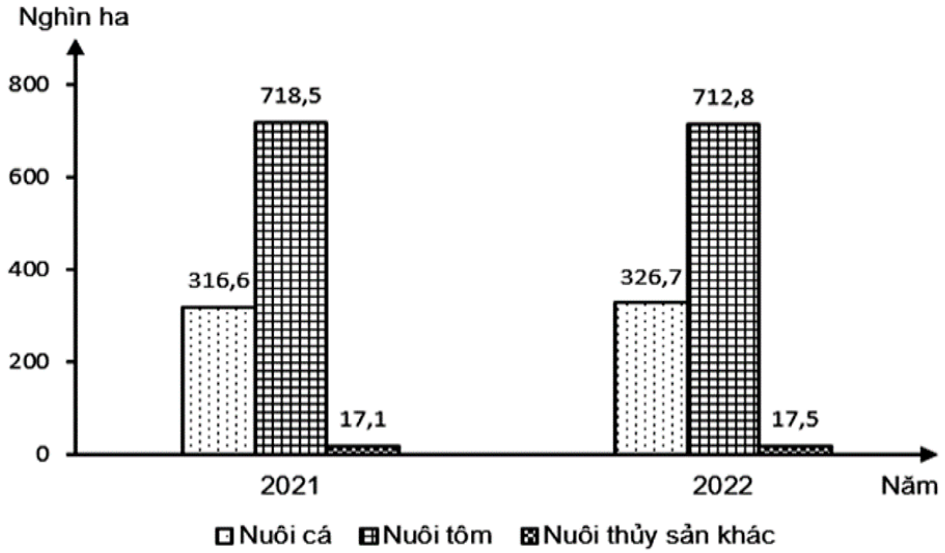
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tấn)

Câu 25: (ID: 728932) Năm 2021 sản lượng thủy sản khai thác đạt 3,9 triệu tấn và nuôi trồng là 4,9 triệu tấn. Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2021? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 26: (ID: 728933) Sản lượng thuỷ sản nước ta năm 2022 là 9,1 triệu tấn. Trong đó tỉ trọng sản lượng nuôi trồng chiếm 56,0 %. Tính sản lượng khai thác thuỷ sản năm 2022 đạt bao nhiêu triệu tấn. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của triệu tấn).

Câu 27: (ID: 728934) Cho biểu đồ về diện tích thu hoạch thủy sản nội địa của nước ta năm 2021 và năm 2022:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, cho biết diện tích thu hoạch thủy sản nội địa của nước ta năm 2022 tăng bao nhiêu nghìn ha so với năm 2021? (Làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của nghìn ha).

Câu 28: (ID: 728935) Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

(Đơn vị: Nghìn tấn)

Năm	2010	2015	2021
Khai thác	2 414,4	3 049,9	3 863,7
Nuôi trồng	2 728,3	3 532,2	4 633,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, cho biết tỉ trọng thủy sản khai thác của nước ta năm 2021 nhỏ hơn tỉ trọng thủy sản nuôi trồng bao nhiêu %. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của %)

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN TUYENSINH247.COM

I PHẦN I: CÂU TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

1.A	2.A	3.B	4.A	5.B	6.D	7.C	8.B	9.B	10.D
11.C	12.B	13.D	14.A	15.A	16.C	17.A	18.B		

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Điều kiện chủ yếu phát triển khai thác hải sản nước ta là vùng biển rộng (vùng biển rộng khoảng 1 triệu km^2, ấm, kín) nguồn lợi sinh vật lớn (tổng trữ lượng khoảng 4 triệu tấn, đa dạng thành phần loài, nhiều loài có giá trị cao).

Chọn A.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Điều kiện chủ yếu để nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng nước ta là nhiều sông ngòi, đầm phá ven bờ (diện tích mặt nước nuôi trồng khá lớn).

Chọn A.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Ý nghĩa của việc phát triển rừng phòng hộ ở nước ta là giảm nhẹ thiên tai, cân bằng sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chọn B.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Hoạt động nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay phát triển rộng rãi ở nhiều vùng, lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng.

Chọn A.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Khai thác thủy sản biển nước ta đang giảm dần hoạt động khai thác ven bờ, kém hiệu quả nhằm mục đích chủ yếu là bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản biển vì nguồn lợi thủy sản ven bờ đang cạn kiệt.

Chọn B.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Đối tượng nuôi trồng của ngành thủy sản nước ta đa dạng chủ yếu do tác động của nhu cầu thị trường, điều kiện tự nhiên. Nước ta có điều kiện thuận lợi để nuôi thủy sản nước mặn và nước lợ (nhiều vũng, vịnh, nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn,…), nước ngọt (có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ).

Chọn D.

Câu 7 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Hoạt động đánh bắt hải sản ở nước ta hiện nay diễn ra ở tất cả các tỉnh giáp biển (28 tỉnh, thành phố giáp biển). Các tỉnh đứng đầu về sản lượng là Kiên Giang, Cà Mau, Bình Định, Bình Thuận,…

Chọn C.

Câu 8 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Ngành lâm nghiệp của nước ta hiện nay có hoạt động lâm sinh (trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng) đang được chú trọng.

Chọn B.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản nước ta thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng vì ngành nuôi trồng chủ động đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng sản phẩm trong khi nguồn lợi thủy sản khai thác đang suy giảm.

Chọn B.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

SGK Địa lí 12, Vấn đề phát triển ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản.

Cách giải:

Ngành lâm nghiệp nước ta có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ vì diện tích đồi núi nhiều (3/4 diện tích nước ta là đồi núi), có rừng ngập mặn ven biển (Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng Nam Bộ. Rừng ngập mặn ở Nam Bộ có diện tích lớn thứ 2 thế giới, sau khu rừng ngập mặn ở A-ma-zon).

Chọn D.

Câu 11 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cấp công suất tàu thuyền đối với ngành thủy sản ở nước ta là tăng hiệu quả khai thác (tăng khả năng đánh bắt xa bờ, nơi có nguồn lợi hải sản phong phú, tiềm năng lớn), đáp ứng thị trường.

Chọn C.

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Ý nghĩa của việc phát triển nuôi trồng thủy sản ở nước ta là nâng cao mức sống (tạo việc làm, tăng thu nhập), tăng trưởng kinh tế (chủ động về chất lượng và số lượng sản phẩm đầu ra, đáp ứng nhu cầu thị trường, thúc đẩy nhiều ngành kinh tế khác cùng phát triển).

Chọn B.

Câu 13 (VD):

Phương pháp:

Phân tích và mở rộng.

Cách giải:

- Nghề cá ở nước ta hiện nay gắn với giữ vững chủ quyền biển đảo. Sự hiện diện của ngư dân trên biển không chỉ đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa như một lực lượng bảo vệ quan trọng chủ quyền biển đảo dân tộc.

"Giữa đại dương mênh mông, nơi tận cùng hải phận của đất nước, mỗi tàu, thuyền đánh bắt hải sản của ngư dân với lá cờ đỏ sao vàng tung bay trước gió là những "cột mốc sống" khẳng định chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Những tổ, đội đánh bắt hải sản như những "xóm, làng" trên biển, đó là những cột mốc đánh dấu chủ quyền của Việt Nam theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982." – Trích Phóng sự: Những "cột mốc sống" góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo.

Chọn D.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ.

Cách giải:

Diện tích rừng ngập mặn của nước ta ngày càng bị suy giảm chủ yếu là do phá rừng để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

Chọn A.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Loại trừ.

Cách giải:

Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỉ trọng lớn, đạt 2922,3 nghìn tấn (năm 2021), chiếm khoảng 74,2% tổng sản lượng thủy sản khai thác.

Chọn A.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Kiến thức mở rộng.

Cách giải:

Nam Trung Bộ có diện tích rừng lớn nhất cả nước => ngành lâm sản cũng phát triển mạnh nhất nhưng chủ yếu là khai thác và xuất khẩu gỗ tròn => hiệu quả chưa cao.

=> Vấn đề đặt ra đối với hoạt động chế biến lâm sản là đẩy mạnh các nhà máy chế biến gỗ tại chỗ và hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

Chọn C.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

Giá trị sản xuất ngành nuôi trồng thủy sản nước ta ngày càng nâng cao chủ yếu do tăng cường các ngành chế biến giúp tăng giá trị sản phẩm và đa dạng sản phẩm.

Chọn A.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Giải thích.

Cách giải:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta hiện nay có tốc độ tăng nhanh hơn khai thác chủ yếu do chủ động sản xuất, đáp ứng tốt yêu cầu của thị trường. Ngành nuôi trồng chủ động đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng sản phẩm thủy sản.

Chọn B.

II PHẦN II: CÂU TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu	19	20	21	22
Đáp án	ĐSSĐ	ĐSĐS	ĐĐSS	SĐSS

Câu 19 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- Ý 1 đúng. Năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác nhỏ hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- Ý 2 sai vì trong sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2022, sản lượng cá nuôi chiếm 66,9%.
- Ý 3 sai vì cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta từ năm 2021 đến năm 2022 có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng thủy sản nuôi trồng, giảm tỉ trọng thủy sản khai thác.
- Ý 4 đúng. Sản lượng thủy sản nước ta hiện nay tăng chủ yếu do đẩy mạnh đánh bắt xa bờ và nuôi trồng thủy sản, phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ.

Câu 20 (VD):

Cách giải:

- Ý 1 đúng. Theo mục đích sử dụng, rừng của nước ta được chia thành 3 loại: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.
- Ý 2 sai vì để đảm bảo vai trò của rừng trong bảo vệ môi trường ở nước ta thì độ che phủ rừng cần phải đạt là 45 - 50 %. Năm 2021, tỉ lệ che phủ rừng nước ta chỉ đạt 42,0%, chưa đảm bảo.
- Ý 3 đúng. Diện tích rừng tự nhiên của nước ta lớn do chủ trương của Nhà nước trong việc phục hồi và phát triển vốn rừng.

- Ý 4 sai vì biện pháp để bảo vệ tài nguyên rừng ở nước ta là trồng rừng trên đất trống, đồi trọc; giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân (Luật bảo vệ và phát triển rừng).

Câu 21 (VD):

Phương pháp:

Phân tích.

Cách giải:

- Ý 1 đúng. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng.
- Ý 2 đúng. Tỉ trọng thủy sản khai thác giảm, nuôi trồng tăng.
- Ý 3 sai vì tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng thủy sản năm 2021 so với năm 2010 là 182,23%. (Lấy năm 2010 = 100%).
- Ý 4 sai vì tỉ trọng sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng chủ yếu do tác động của nhu cầu thị trường, điều kiện tự nhiên. Nước ta có điều kiện thuận lợi để nuôi thủy sản nước mặn và nước lợ (nhiều vũng, vịnh, nhiều bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn,…), nước ngọt (có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ). Nhu cầu thị trường ngày càng cao trong khi nguồn lợi khai thác ngày càng thu hẹp.

Câu 22 (VD):

Cách giải:

- Ý 1 sai vì sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm có sự biến động trong giai đoạn 2015 – 2021.

+ Sản lượng thủy sản ướp đông giai đoạn 2015 – 2020 tăng, giai đoạn 2020 – 2021 giảm.

+ Sản lượng thủy sản nước mắm giai đoạn 2015 – 2019 tăng, giai đoạn 2019 – 2020 giảm, giai đoạn 2020 - 2021 tăng.

- Ý 2 đúng. Giai đoạn 2015 – 2021, tốc độ tăng trưởng của sản lượng thủy sản ướp đông (128,1%) cao hơn tốc độ tăng của nước mắm (123,1%).
- Ý 3 sai vì giai đoạn 2015 – 2021, sản lượng nước mắm tăng chậm hơn thủy sản ướp đông.
- Ý 4 sai vì để thể hiện sản lượng thủy sản ướp đông và nước mắm, biểu đồ kết hợp là thích hợp nhất do có đơn vị khác nhau.

III PHẦN III: CÂU TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu	23	24	25	26	27	28
Đáp án	99,6	8793	55,7	4	4,8	9

Câu 23 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Lấy năm 2018 = 100%.

- Tốc độ tăng trưởng khai thác gỗ của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2021 = 797,3 : 800,5 x 100% ≈ 99,6%.

Câu 24 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

Tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2021 = 3937,1 + 4855,4 ≈ 8793 nghìn tấn.

Câu 25 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2021 = 3,9 + 4,9 = 8,8 triệu tấn.

- Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2021 = 4,9 : 8,8 x 100 ≈ 55,7%

Câu 26 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Tỉ trọng sản lượng khai thác thuỷ sản năm 2022 = 100 – 56 = 44%

- Sản lượng khai thác thuỷ sản năm 2022 = 9,1 : 100 x 44 ≈ 4 triệu tấn.

Câu 27 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Diện tích thu hoạch thủy sản nội địa của nước ta năm 2021 = 316,6 + 718,5 + 17,1 = 1052,2 nghìn ha.

- Diện tích thu hoạch thủy sản nội địa của nước ta năm 2022 = 326,7 + 712,8 + 17,5 = 1057 nghìn ha.

- Diện tích thu hoạch thủy sản nội địa của nước ta năm 2022 so với năm 2021 tăng 4,8 nghìn ha.

Câu 28 (VD):

Phương pháp:

Tính toán.

Cách giải:

- Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 = 3863,7 + 4633,5 = 8497,2 nghìn tấn.

- Tỉ trọng thủy sản khai thác của nước ta năm 2021 = 3863,7 : 8497,2 x 100 = 45,5%.

- Tỉ trọng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2021 = 100 – 45,5 = 54,5%

→ Tỉ trọng thủy sản khai thác của nước ta năm 2021 nhỏ hơn tỉ trọng thủy sản nuôi trồng 9%.